TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGT – ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hà

2. Ông Đỗ Hồng Phúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Vũ Văn Tiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc **tham gia phiên tòa**: Bà Đỗ Thịnh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX - ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1976, (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Mai Văn S, sinh năm 1976, (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện cư trú tại: khu phố 5, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2018 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hoàng Thị K trình bày:

Chị và anh Mai Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 19 tháng 5 năm 2003.

Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2007 vợ chồng về quê chị và ở tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ở đây được khoảng một tháng, do anh S chơi bời nên vợ chồng có xảy ra xô sát, cãi chửi lẫn nhau nên anh S bỏ đi. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân nhau được một thời gian rất dài từ năm 2007 đến nay không còn quan tâm và liê lạc với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Bị đơn anh Mai Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh S trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị K là đúng. Hiện nay hộ khẩu thường trú của anh ở: Thôn 6, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa và anh đang sinh sống tại số: 184/88 tổ 9, khu phố 5, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 27 tháng 7 năm 2018 anh có đơn đề nghị và đồng ý Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị K và anh. Chị K làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau được một thời gian rất dài nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xem xét sớm giải quyết theo yêu cầu của chị K để cả hai có điều kiện tạo lập cuộc sống mới. Do anh đang sinh sống ở xa, không có điều kiện để về Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc để tham gia phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị K và anh được, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Cả chị K và anh S đều thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu Mai Thanh T, sinh ngày 04/12/2003. Hiện tại cháu đang ở với chị K, ly hôn theo nguyện vọng của cháu T cũng như sự thỏa thuận của chị K, anh S, chị K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Cả chị K và anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị K giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ nội dung đã trình bày: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K, đồng ý để chị K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Mai Văn S, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Hoàng Thị K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Mai Văn S, có hộ khẩu thường trú của anh S tại: Thôn 6, xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa và đang sinh sống tại số: 184/88 tổ 9, khu phố 5, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ngày 27 tháng 7 năm 2018 anh S có đơn đề nghị và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T với nội dung anh S đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị K và anh. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 19 tháng 5 năm 2003 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị K có hộ khẩu thường trú thể hiện: Sau khi kết hôn chị K và anh S vào miền Nam làm ăn buôn bán, đến đầu năm 2007 vợ chồng về ở tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn

và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng chị K và anh S có một con chung là cháu Mai Thanh T, hiện đang ở với chị K. Thời gian ở địa phương chị K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T tốt và chị K có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T. Nay chị K làm đơn xin ly hôn anh S chính quyền địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc chị K làm đơn xin ly hôn anh S vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2007 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm và liên lạc gì với nhau. Chị K làm đơn xin ly hôn và anh S đồng ý. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị K, anh S có một con chung là cháu Mai Thanh T, sinh ngày 04/12/2003, hiện nay cháu đang ở với chị K. Quá trình giải quyết vụ án cháu T có nguyện vọng xin được ở với chị K. Chị K xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S đồng ý với yêu cầu trên của chị K. Do vậy, cần giao cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận chị Hoàng Thị K không yêu cầu anh Mai Văn S cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị K và anh S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị K được ly hôn với anh Mai Văn S.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Thanh T, sinh ngày 14/12/2003. Ghi nhận chị K không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi cong chung. Sau khi ly hôn anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0000445 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung